TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Bình.

2. Bà Bùi Phương Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quang D, sinh năm 1986

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1965; trú tại: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc Trịnh – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnhThái Bình.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn L, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1952; trú tại: Thôn L, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự và người đại diện theo pháp luật của các đương sự vắng mặt tại phiên toà; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Anh Lê Quang D trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố T ngày 20/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, có xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là khi chị H đi chữa bệnh ở Hà Nội về hay nói là không thể sống với anh được nữa dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 11/2016, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H có một con chung là Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016, hiện nay con đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đề nghị giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng cho con vì anh là người tàn tật (rối loạn tâm thần – chậm phát triển tâm thần nặng) mỗi tháng được hưởng trợ cấp đối với người tàn tật là 405.000 đồng nên anh không có khả năng về kinh tế để cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh và chị Trần Thị H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Trần Thị M trình bày:

Anh Lê Quang D là con trai bà, anh D bị bệnh rối loạn tâm thần – chậm phát triển tâm thần nặng bẩm sinh. Biểu hiện bệnh của anh D là hay quên, thỉnh thoảng mất trí nhớ, thỉnh thoảng không minh mẫn như người bình thường nên anh D không đi học, không biết chữ, không biết viết, không biết đọc nhưng không la hét, không đập phá.

Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn giữa anh D và chị H và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như anh D đã trình bày là đúng, bà đề nghị Tòa án xử cho anh D được ly hôn chị H.

Anh D và chị H có một con chung là Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016, hiện đang ở cùng chị H. Bà đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng cho con vì bản thân anh D bị bệnh tâm thần, phải thường xuyên uống thuốc, không có khả năng lao động, không có thu nhập, mỗi tháng được hưởng trợ cấp đối với người tàn tật là 405.000 đồng không đủ cho cuộc sống của anh D mà gia đình bà vẫn phải nuôi dưỡng anh D.

Anh D và chị H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

Bà đề nghị Tòa án không tiến hành giám định pháp y tâm thần đối với anh D, không tuyên bố anh D bị mất năng lực hành vi dân sự. Đề nghị Tòa án cử Trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh D.

*) Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn K trình bày:

Ông là bố đẻ của chị Trần Thị H, do chị H đang bị bệnh tâm thần nên ông là người đại diện theo pháp luật của chị H.

Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như anh D và bà Trần Thị M đã trình bày là đúng. Gia đình ông đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải anh D và chị H đoàn tụ nhưng không có kết quả. Ông xác định tình cảm vợ chồng của anh D và chị H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông đề nghị Tòa án xử cho anh D được ly hôn chị H.

Anh D và chị H có một con chung là Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016, hiện đang ở cùng chị H. Ông đề nghị giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh D và gia đình phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Ông và gia đình đã, đang và sẽ hỗ trợ chị H trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Anh D và chị H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tuy chị H bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoit – Sa sút trí tuệ nặng. Dạng khuyết tật: Khuyết tật trí tuệ, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 65%; Mức độ khuyết tật: Mức độ nặng (theo quyết định của Hội đồng giám định y khoa Thái Bình) nhưng ông đề nghị Tòa án không tiến hành giám định pháp y tâm thần đối với chị H, không tuyên bố chị H bị mất năng lực hành vi dân sự. Đề nghị Tòa án cử Trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H.

*) Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin như sau:

Anh Lê Quang D đã khám và điều trị theo đơn 01 lần tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình ngày 04/3/2014. Chẩn đoán bệnh: Chậm phát triển tâm thần. Khi đến khám tại bệnh viện, anh D trong tình trạng tỉnh táo, tâm thần ổn định, sa sút trí tuệ nhẹ, mọi lời nói, cảm xúc và hành vi tác phong đều kém hơn so với người bình thường.

Chị Trần Thị H đã điều trị nội trú 02 lần tại Bệnh viện, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 24/6/2010 đến ngày 15/7/2010, chẩn đoán bệnh: Rối loạn loại phân liệt (mã bệnh F21 theo tiêu chuẩn quốc tế lần thứ 10).

- Lần thứ hai: Từ ngày 11/01/2016 đến ngày 18/01/2016, chẩn đoán bệnh: Rối loạn loại phân liệt.

Cả hai lần nhập viện chị H trong tình trạng bệnh tái phát, lời nói, cảm xúc, hành vi và nhận thức đều rối loạn. Khi xuất viện, bệnh tâm thần của chị H ổn định. Chị H không thuộc đối tượng người bệnh tâm thần xã hội được quản lý và theo dõi, điều trị tại Trạm y tế xã Đ, thành phố T.

*) Đại diện Trạm y tế xã Đ, thành phố T cung cấp thông tin như sau:

Anh Lê Quang D và chị Trần Thị H là những người bị bệnh tâm thần nhưng bệnh của họ không thuộc loại được quản lý và cấp phát thuốc hàng tháng tại Trạm y tế xã Đ, thành phố T.

*) Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lê Quang D, cụ thể:

- Xử cho anh Lê Quang D được ly hôn chị Trần Thị H.

- Xử giao con Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng cho con từ 500.000đ đến 800.000đ/tháng.

- Không giải quyết về tài sản.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147; 203; 227; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Quang D được ly hôn chị Trần Thị H.

+ Về con chung: Xử giao con Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tờ 500.000đ đến 800.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung: Anh Lê Quang Di và chị Trần Thị H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

+ Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lê Quang D.

+ Các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng Nguyên đơn là anh Lê Quang D và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Trần Thị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là chị Trần Thị H, đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn K vắng mặt tại phiên tòa; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự và người đại diện theo pháp luật của các đương sự, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lê Quang D và chị Trần Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, có xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là khi chị H đi chữa bệnh ở Hà Nội về hay nói là không thể sống với anh D được nữa dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 11/2016, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh D và chị H ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Lê Quang D được ly hôn chị Trần Thị H là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Anh Lê Quang D và chị Trần Thị H có một con chung là Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016, hiện nay con đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh Di và bà N đề nghị Tòa án giao con cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì chị H được sự trợ giúp của gia đình đã nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, cuộc sống của con đang ổn định, anh D là người khuyết tật, không có khả năng lao động, không có thu nhập, mỗi tháng được hưởng trợ cấp đối với người tàn tật là 405.000 đồng không đủ cho cuộc sống của anh D mà

gia đình vẫn phải nuôi dưỡng nên không thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con được. Hơn nữa, con còn dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của chị H nên cần xử giao con Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[4] Về tài sản: Anh Lê Quang D và chị Trần Thị H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Do anh Lê Quang D là người khuyết tật nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh D được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí. Vì vậy, miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lê Quang D.

[6] Các đương sự, người đại diện theo pháp luật của các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 147; 203; 227; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Quang D được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Xử giao con Lê Thanh G, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh D, chị H có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lê Quang D.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự và người đại diện theo pháp luật của các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã Đ, TP.T;
- Các đương sự;
- Người đại diện của đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái